TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 309/2025/QĐST-HNGĐ	*Quận 11, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lư Tuyết D, sinh năm 1989; địa chỉ: B đường H, Phường m, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số xX, Ấp L, xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;

Bị đơn: Ông Trương Phi H, sinh năm 1988; địa chỉ: Số Xx đường C, Phường M, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Lư Tuyết D và ông Trương Phi H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Lư Tuyết D và ông Trương Phi H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số Xx, quyển số 1/2011 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2011 không còn giá trị.

b) Về con chung: Ông Trương Phi H được quyền trực tiếp nuôi 03 (ba) con chung: Trẻ Trương Thế V, nam, sinh ngày 03/5/2011, trẻ Trương Quỳnh A, nữ, sinh ngày: 13/02/2014 và trẻ Trương Mỹ A1, nữ, sinh ngày: 14/7/2016

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Phi H không yêu cầu bà Lư Tuyết D cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lư Tuyết D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

c) Về tài sản chung: Hai bên đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Về nợ chung: Hai bên đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

e) Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lư Tuyết D tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24P, số 0050365 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lư Tuyết D được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- UBND Phường M, Quận 11, Tp. HCM;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý Trần Ngọc Phương